

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2022/HSST

Ngày: 11 - 05 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH THANH HOÁ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Quân

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trương Thị Hồng Xuân

2. Ông Bùi Văn Hòa

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thắm - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hoá.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Ông Vũ Minh Tuệ - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 05 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 34/2022/HSST ngày 21 tháng 04 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2022/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 04 năm 2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Thị H; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nữ; Sinh ngày: 22/12/1992, tại xã HB, huyện HT, Thanh Hóa; Nơi cư trú: thôn NT, xã HB, huyện HT, Thanh Hóa; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Có bố: Nguyễn Trung C; Có mẹ: Mai Thị H1; Tiền sự: không; Tiền án: không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/12/2021 cho đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện T. Bị cáo có mặt tại phiên tòa

Những người tham gia tố tụng:

**** Người bị hại:*** Anh Trần Đình A sinh năm 1991, trú tại khu 6, thị trấn K, huyện T, tỉnh Thanh Hóa(có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng cuối tháng 09/2020, Nguyễn Thị H sinh năm 1992, trú tại thôn NT, xã HB, huyện HT, tỉnh Thanh Hóa lập và sử dụng 01 tài khoản mạng xã hội trên Facebook “ ảo” mang tên “ Trang Anh”. Trong quá trình sử dụng tài khoản mạng xã hội này, H có làm quen với một tài khoản mạng xã hội Facebook mang tên “ Ko Quan Tâm” của anh Trần Đình A sinh năm 1991, trú tại khu 6, thị trấn

K, huyện T, tỉnh Thanh Hóa là cán bộ Công an huyện T sử dụng. Trong quá trình nói chuyện, H và Đình A không gặp mặt trực tiếp mà chỉ nhắn tin, gọi điện bằng âm thanh Messenger với nhau. H lên mạng tải về hình ảnh của người khác và gửi cho anh Đình A nói đây là ảnh của mình, đồng thời H còn nói với anh Đình A là mình tên là Ngô Hạnh T sinh năm 1994 làm nghề Công an, công tác tại Công an tỉnh Thanh Hóa và cư trú tại phường BD, thành phố TH để tạo sự tin tưởng đối với anh Đình A. Trong quá trình nói chuyện H phát hiện anh Đình A là người hiền lành, thật thà, dễ tin người nên H nảy sinh ý định lừa đảo để chiếm đoạt tài sản của anh Đình A. Bởi vậy, trong quá trình nói chuyện, H nói với anh Đình A bản thân mình bị ung thư gan, H gửi cho anh Đình A 04 phiếu khám bệnh của Bệnh viện Việt Pháp thành phố Hà Nội gồm 02 phiếu kết quả siêu âm, 01 phiếu chỉ định siêu âm và 01 phiếu xét nghiệm hóa sinh đều mang tên Ngô Hạnh T chuẩn đoán Ngô Hạnh T bị K gan(tức ung thư gan) nên cần tiền để chữa trị và có nhiều lần hỏi vay anh Đình A tiền để điều trị. Do tin tưởng vào những thông tin gian dối mà H cung cấp như: Làm nghề Công an, bị bệnh ung thư cần tiền là đúng sự thật, cho rằng H có khả năng trả lại tiền cho mình nên anh Đình A đồng ý cho H vay tiền. H đưa cho anh Đình A số tài khoản 030066806878 của Ngân hàng Sacombank, mang tên Nguyễn Thị H và bảo anh Đình A chuyển tiền vào số tài khoản này, H nói dối là tài khoản của cô ruột mình, do bản thân mất chứng minh thư nhân dân chưa làm lại được nên chưa làm được thẻ ATM, thực tế đây là số tài khoản Ngân hàng của H nhằm mục đích để phù hợp với các thông tin đã nói dối anh Đình A trước đó. Sau đó bắt đầu từ ngày 14/10/2020 đến ngày 28/11/2021, H đã nhiều lần nói dối anh Đình A, và nhiều lần hỏi vay tiền của anh Đình A để chiếm đoạt, những lần H hỏi vay tiền anh Đình A, H đưa ra những lý do như đang cần tiền để xạ trị, nộp tiền viện phí, mua thuốc hay mua đồ dùng cá nhân để anh Đình A chuyển khoản cho mình. Sau mỗi lần H hỏi vay tiền anh Đình A sử dụng tài khoản số 101870872449 Ngân hàng Viettinbank mang tên Trần Đình A chuyển tiền vào trong tài khoản số 030066806878 Ngân hàng Sacombank của H tổng số tiền 522.858.098 đồng(trong đó có 1.738.098 đồng là tổng tiền phí dịch vụ chuyển tiền), với nhiều lần chuyển tiền trong các thời gian khác nhau.

Quá trình điều tra xác định từ ngày 14/10/2020 đến ngày 04/12/2020, H đã được anh Trần Đình A chuyển khoản 35 lần với tổng số tiền là 64.289.300 đồng (trong đó 289.300 đồng là phí chuyển tiền) H thực nhận được là 64.000.000 đồng. Trong đó có 15 lần chuyển tiền mà mỗi lần chuyển có giá trị từ 2.000.000 đồng trở lên, tổng số tiền là 46.435.300 đồng (trong đó có 135.300 đồng là phí chuyển tiền), H thực nhận là 46.300.000 đồng, H đã nhận số tiền này và đã rút ra tiêu sài cá nhân hết.

Từ ngày 04/12/2020, lo sợ anh Trần Đình A chuyển quá nhiều tiền sẽ phải đi vay mượn sẽ khiến vụ việc bại lộ, đồng thời cũng do thương hại việc anh Đình A cho vay tiền là do có tình cảm với mình nên bắt đầu từ ngày 04/12/2020, H không muốn chiếm đoạt tiền của anh Đình A nữa và bắt đầu chuyển khoản trả lại cho anh Đình A sau các lần anh Đình A chuyển khoản cho mình. Có những lần H chuyển lại toàn bộ số tiền mình nhận được, có những lần là một phần số tiền mình

nhận được. Bắt đầu từ ngày 04/12/2020 đến ngày 28/11/2021, H đã chuyển khoản trả lại cho anh Đình A tổng số tiền là 234.297.000 đồng.

Đến ngày 02/12/2021, anh Trần Đình A mới phát hiện được toàn bộ nội dung trò chuyện và tài khoản mạng xã hội Facebook của Nguyễn Thị H là giả mạo nên đến Cơ quan điều tra Công an huyện T tố giác việc mình bị lừa đảo với Cơ quan điều tra. Cùng ngày Nguyễn Thị H đến Công an huyện T đầu thú, khai báo toàn bộ hành vi của bản thân.

Đối với số tiền mà anh Đình A chuyển vào tài khoản của Nguyễn Thị H từ ngày 04/12/2020 đến ngày 28/11/2021, H không có ý định chiếm đoạt, trong đó H đã chuyển khoản trả lại cho anh Đình A là 234.297.000 đồng trong tổng số tiền mà anh Đình A đã chuyển khoản mà H thực nhận là 462.120.000 đồng. Đây là giao dịch dân sự.

Đối với số tiền mà anh Trần Đình A chuyển dưới 2.000.000 đồng cho H từ ngày 14/10/2020 đến ngày 04/12/2020 tổng số tiền là 17.700.000 đồng, gồm 20 lần chuyển tiền, đây là hành vi vi phạm hành chính quy định tại điểm c, khoản 1, điều 15 Nghị định 167/2013-NĐCP của Chính phủ. Tuy nhiên hành vi vi phạm hành chính này đã kết thúc từ 04/12/2020 đã hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính nên Cơ quan điều tra không xem xét xử phạt vi phạm hành chính đối với Nguyễn Thị H là phù hợp.

Về vật chứng vụ án: Quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã tạm giữ:

- Thu giữ của Nguyễn Thị H 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7plus, vỏ màu đồng, màn hình cảm ứng, điện thoại cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong;

- Thu giữ của Trần Đình A 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S plus, vỏ màu đồng, màn hình cảm ứng, điện thoại cũ đã qua sử dụng.

Quá trình điều tra xét thấy không ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh Trần Đình A 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S plus, chiếc điện thoại Iphone 7 plus của Nguyễn Thị H đang được tạm giữ bảo quản chờ xử lý theo quy định.

Về dân sự: Quá trình điều tra Nguyễn Thị H đã tác động đến gia đình bồi thường cho anh Trần Đình A số tiền 288.561.000 đồng bao gồm tiền H lừa đảo anh Đình A và tiền Đình A tự nguyện cho H vay. Anh Đình A đã nhận đủ số tiền trên không có yêu cầu bồi thường gì thêm và xin giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị can .

Tại bản cáo trạng số 40/Ctr-VKS-TT, ngày 21/04/2022, Viện Kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hoá đã truy tố Nguyễn Thị H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 Bộ Luật hình sự (Sau đây được viết tắt là BLHS).

* Phần tranh tụng tại phiên tòa:

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s

khoản 1,2 Điều 51; Điều 38; BLHS để xử phạt Nguyễn Thị H mức án từ 10 tháng đến 15 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại đủ tài sản không yêu cầu bị cáo phải bồi thường nên không xem xét.

Về xử lý vật chứng: Đã trả lại tài sản cho người bị hại 01 điện thoại Iphone 6S plus nên không xem xét. 01 chiếc Iphone 7plus, vỏ màu đồng, màn hình cảm ứng, điện thoại cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong của bị cáo là vật dùng vào việc phạm tội cần tịch thu sung quỹ nhà nước.

Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật

- Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi như cáo trạng của viện kiểm sát nhân dân mô tả và truy tố bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự. Bị cáo thừa nhận lợi dụng sự cả tin của bị hại bị cáo đưa ra thông tin gian dối để bị hại tin tưởng gửi tiền cho bị cáo, từ ngày 14/10/2020 đến ngày 04/12/2020 bị cáo đã nhận số tiền 46.300.000 đồng làm nhiều lần bằng hình thức chuyển khoản, bắt đầu từ ngày 04/12/2020 bị cáo không hỏi vay anh Đình A nữa nhưng anh Đình A vẫn chuyển vào tài khoản cho bị cáo lo sợ bị phát hiện không có tiền trả lại cho anh Đình A nên bị cáo đã chuyển trả lại cho anh Đình A nhiều lần số lần bị cáo không nhớ được.

HĐXX công bố lời khai và các thông tin chuyển khoản giữa bị cáo và bị hại: Bị cáo thừa nhận những thông tin chuyển khoản là đúng.

- Ý kiến trình bày của người bị hại: Thống nhất với hành vi của bị cáo như cáo trạng mô tả, thống nhất lời khai của bị cáo tại phiên tòa. Bắt đầu từ ngày 04/12/2020 bị cáo không hỏi vay bị hại nữa nhưng do thói quen nên anh vẫn chuyển tiền vào tài khoản của bị cáo và đã được bị cáo chuyển trả lại số tiền này bị cáo đã nhờ gia đình trả cho bị hại đầy đủ, bị hại không có ý kiến gì.

Về phần dân sự người bị hại đã nhận lại tài sản không yêu cầu bồi thường gì thêm và đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Phản tranh luận tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như bản cáo trạng truy tố và không có ý kiến tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát. Trong lời nói sau cùng, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố

tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi của bản thân như đã nêu trên. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời trình bày của người bị hại và các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Lợi dụng sự tin tưởng của người bị hại là anh Trần Đình A, từ ngày 14/10/2020 đến ngày 04/12/2020 bị cáo Nguyễn Thị H đã đưa ra thông tin gian dối nhằm chiếm đoạt tài sản của anh Trần Đình Anh. Do tin tưởng nên anh A đã chuyển tiền vào tài sản của bị cáo nhiều lần với tổng số tiền là 46.300.000 đồng (bốn sáu triệu ba trăm ngàn đồng), H đã nhận số tiền này và đã rút ra tiêu sài cá nhân hết. Vì vậy HĐXX có đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Thị H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, hành vi phạm tội: Đây là vụ án Lừa đảo chiếm đoạt tài sản có tính chất ít nghiêm trọng do Nguyễn Thị H thực hiện. Tuy nhiên hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây tâm lý hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân, làm mất trật tự trị an, xã hội trên địa bàn do đó cần phải xử lý nghiêm cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có đủ sức giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và trách nhiệm hình sự: Bị cáo có một tình tiết tăng nặng đó là “phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52. Bị cáo có 06 tình tiết giảm nhẹ là “tự nguyện khắc phục hậu quả” và “Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”, đầu thú và người bị hại xin giảm nhẹ cho bị cáo, gia đình bị cáo là người có công với nhà nước được quy định tại điểm b, i, s khoản 1,2 Điều 51 BLHS. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1,2 Điều 51 BLHS vì vậy, cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, để xét xử bị cáo một mức án tương xứng với tính chất, hành vi phạm tội. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội hai lần trở lên phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Do đó hội đồng xét xử xét thấy cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ sức răn đe giáo dục bị cáo sửa chữa lỗi lầm, để bị cáo thấy được tính nghiêm minh của pháp luật, cải tạo thành người công dân có ích cho xã hội.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã được phải bồi thường đầy đủ nên HĐXX không xem xét.

[6] Về vật chứng vụ án: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7plus, vỏ màu đồng, màn hình cảm ứng, điện thoại cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong là công cụ dùng vào việc phạm tội cần tịch thu sung quỹ nhà nước.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị H phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 174; điểm g Khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1,2 Điều 51; Điều 38 BLHS của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Nguyễn Thị H 12(mười hai)tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày 02/12/2021.

Áp dụng: Điều 46,47 BLHS; Điều 136 BLTTHS; khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016:

Công nhận phần dân sự giữa bị cáo và bị hại đã giải quyết xong.

Về vật chứng: Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 plus của bị cáo là công cụ dùng vào việc phạm tội. Hiện vật chứng trên đang được quy trữ tại Chi cục Thi hành án T theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 25 /04/2022

Bị cáo Nguyễn Thị H phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt Bị cáo và Người bị hại. Bị cáo, Người bị hại có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- CQĐT CA huyện T;
- CQTHAHS CA huyện T;
- VKSND huyện T;
- VKSND tỉnh Thanh Hoá;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Văn Quân